

**TẬP ĐOÀN CN THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC – VINACOMIN**

---

**HỒ SƠ YÊU CẦU**  
**CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**

**Số hiệu gói thầu : XL01/2022**

**Tên gói thầu : Xây lắp**

**Công trình : Cải tạo, sửa chữa Nhà ăn, kho lưu trữ kết hợp nhà để xe khối VP Công ty CP KD than Miền Bắc - Vinacomin và Công ty KD than Hà Nội**

**HÀ NỘI – 2022**

## HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Số hiệu gói thầu : XL01/2022

Tên gói thầu : Xây lắp

Công trình : Cải tạo, sửa chữa Nhà ăn, kho lưu trữ kết hợp nhà để xe khối VP Công ty CP KD than Miền Bắc - Vinacomin và Công ty KD than Hà Nội

Bên mời thầu : Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin

Phát hành ngày : 21.../.../2022

Ban hành kèm theo Quyết định : 188/QĐ-TMB ngày 17./2./2022

**BÊN MỜI THẦU**



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC VÙNG

*Phạm Ngọc Bảo*

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam

## **Chương I**

### **CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

#### **Mục 1. Phạm vi gói thầu**

1. Bên mời thầu (Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin) mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: **Xây lắp**

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin năm 2022

3. Loại hợp đồng: **Hợp đồng trọn gói.**

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày (bốn mươi lăm ngày) kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

#### **Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu**

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

#### **Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (*bản sao công chứng trong vòng 6 tháng gần nhất*);

2. Hạch toán tài chính độc lập (*Có báo cáo tài chính các năm 2019, 2020 và cơ quan thuế xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ thuế tối thiểu đến 31/12/2021*);

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: Các yêu cầu về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu phù hợp với gói thầu đang tổ chức lựa chọn nhà thầu trên cơ sở Luật đấu thầu và Nghị định 63/CP

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

7. Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

#### **Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường**

##### **1. Làm rõ HSYC**

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu muộn nhất **15h ngày 25/02/2022**. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã mua hoặc nhận HSYC từ bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

##### **2. Sửa đổi HSYC**

Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn 03 ngày

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSDX, bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSYC.

### 3. Khảo sát hiện trường

Nhà thầu được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSDX. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả. Nhà thầu cần liên hệ trước với bên mời thầu để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

### Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là: Việt Nam đồng (VND).

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

### Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu;
2. Bản cam kết thực hiện gói thầu theo mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu;
3. Bảo lãnh dự thầu theo mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu;
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
5. Bảng tổng hợp giá chào theo mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu;
6. Các nội dung khác.

### Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC và không được chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường

hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

#### **Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là **45 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

#### **Mục 9. Bảo đảm dự thầu**

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu liên danh theo quy định tại HSYC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu tối thiểu là: **20.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu tối thiểu là: **75 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu, chủ đầu tư.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 8 Điều 11 Luật đấu thầu và khoản 1 Điều 19 Nghị định 63/CP.

#### **Mục 10. Quy cách HSDX**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 03 bản chụp HSDX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP

## HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

### **Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX**

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là **15 giờ 00 phút ngày 25/02/2022**.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC khi HSDX được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm đóng thầu thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà thầu nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

### **Mục 12. Mở thầu**

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDX của các nhà thầu vào lúc **15 giờ 15 phút ngày 25/02/2022** tại Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của

nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc HSDX và các văn bản chính của bản sao HSDX như: Đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở thầu, trừ các HSDX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

### **Mục 13. Làm rõ HSDX**

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu trước 15h ngày **25/02/2022**. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

### **Mục 14. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu**

1. Nội dung ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau: Là các nội dung về ưu đãi trong đấu thầu căn cứ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 14 Luật đấu thầu, Điều 3 và Điều 6 Nghị định 63/CP.

2. Nhà thầu phải nộp các giấy tờ, tài liệu chứng minh nếu nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

### **Mục 15. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng**

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX; HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

#### 4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);

c) Thương thảo về nhân sự chủ chốt

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong HSDX, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDX kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá chào;

d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

#### **Mục 16. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

#### **Mục 17. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

#### **Mục 18. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

#### **Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 9 Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSYC này. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 9 Chương V hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

#### **Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu**

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của

*Ch Saur*

minh bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: Văn phòng – Tổng hợp, Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin, số 5 phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội. Số điện thoại liên hệ: 024.38642793, Fax: 024.38642792.

**Mục 21. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu**

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Văn phòng – Tổng hợp, Công ty CP kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin, số 5 phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

## **Chương II**

### **TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX**

#### **Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX**

##### **1.1. Kiểm tra HSĐX**

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

##### **1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX**

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

#### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

##### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Yêu cầu đáp ứng
TT	Mô tả	Yêu cầu	
1	<b>Lịch sử không hoàn thành hợp đồng</b>	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành (Hợp đồng không hoàn thành hướng dẫn tại Mẫu số 01 Hồ sơ mời thầu Thông tư 03/2015/TT-BKHDT ngày 15/5/2015 của Bộ KH&ĐT ban hành)	Phải thỏa mãn yêu cầu này
2	<b>Kiện tụng đang giải quyết</b>	Trường hợp nhà thầu có kiện tụng đang giải quyết thì vụ kiện sẽ được coi là có kết quả giải quyết theo hướng bất lợi cho nhà thầu và các khoản chi phí liên quan đến các kiện tụng này không được vượt quá 50 % giá trị tài sản ròng của nhà thầu (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ).	Phải thỏa mãn yêu cầu này
3	<b>Năng lực tài chính</b>		
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính các năm 2019, 2020 và để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất (năm 2020) phải dương. Báo cáo tài chính phải có dấu sao y bản chính của nhà thầu có văn bản xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đến tối thiểu 31/12/2020 của cơ quan quản lý thuế. (Nhà thầu phải cung cấp bản công chứng/chứng thực trong vòng 6 tháng gần nhất khi thương thảo hợp đồng)	Phải thỏa mãn yêu cầu này
3.2	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động xây dựng tối thiểu là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm triệu đồng), trong vòng 03 năm gần đây (2019, 2020, 2021). Doanh thu xây dựng hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng xây lắp mà nhà thầu nhận được trong năm đó.	Phải thỏa mãn yêu cầu này

*Handwritten signature*

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Yêu cầu đáp ứng
TT	Mô tả	Yêu cầu	
3.3	<b>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu</b>	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh toán cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh toán cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị tối thiểu là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng);	Phải thỏa mãn yêu cầu này
4	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng thi công xây lắp</b>	Bản sao (có dấu sao y bản chính) các hợp đồng ( <i>kèm Biên bản nghiệm thu bàn giao hoặc Hoá đơn tài chính đối với các công trình đã hoàn thành hoặc xác nhận của chủ đầu tư đối với các hợp đồng hoàn thành phần lớn</i> ) có quy mô và tính chất tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn (4) với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ (5) trong vòng 3 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu). Hợp đồng cải tạo, sửa chữa, sơn, làm trần thạch cao cho công trình dân dụng cấp III trở lên thuộc hệ thống cơ quan nhà nước: (i) số lượng hợp đồng tối thiểu là 3, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là 1 tỷ đồng hoặc (ii) số lượng hợp đồng tối thiểu là 2, giá trị hợp đồng $\geq 1,5$ tỷ đồng. (iii) số lượng hợp đồng tối thiểu là 1, giá trị hợp đồng $\geq 2,1$ tỷ đồng. ( <i>Nhà thầu phải cung cấp bản sao công chứng/chứng thực trong vòng 6 tháng gần nhất</i> )	Phải thỏa mãn yêu cầu này
5	<b>Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót</b>	Thời gian bảo hành tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Nhà thầu phải có đại diện có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, sửa chữa theo các yêu cầu như sau: <i>Thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót... kể từ khi</i>	Phải thỏa mãn yêu cầu này

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Yêu cầu đáp ứng
TT	Mô tả	Yêu cầu	
		nhận được yêu cầu của chủ đầu tư không quá 24 giờ.	

**Ghi chú:**

(3) Hợp đồng tương tự là hợp đồng thi công xây dựng công trình dân dụng.

(4) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(5) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Stt	Vị trí công việc	Số lượng	Tổng số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Trình độ chuyên môn
1	Chỉ huy trưởng công trường	01 người	Tối thiểu 05 năm	Tối thiểu 05 năm hoặc là chỉ huy trưởng 03 công trình có quy mô tương tự trong 3 năm gần nhất.	Là kỹ sư xây dựng hoặc tương đương, có chứng chỉ Chỉ huy trưởng còn hiệu lực
2	Phụ trách thi công	02 người	Tối thiểu 03 năm	Tối thiểu 03 năm hoặc đã phụ trách thi công 02 công trình có quy mô tương tự trong 2 năm gần nhất	Là kỹ sư xây dựng hoặc tương đương
3	Cán bộ an toàn	01 người	Tối thiểu 03 năm	Tối thiểu 03 năm hoặc đã phụ trách công tác an toàn tối thiểu 02 công trình có quy mô tương tự trong 02 năm gần nhất	Là kỹ sư an toàn hoặc đã học qua lớp an toàn

(Trong Hồ sơ đề xuất của nhà thầu các văn bằng, chứng chỉ của các nhân sự chủ chốt phải được đóng dấu sao y bản chính và nhà thầu phải cung cấp bản sao công chứng/chứng thực trong vòng 6 tháng gần nhất khi thương thảo hợp đồng).

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06, Chương III - Biểu mẫu đề xuất.

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp bản cam kết về việc xây dựng công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong HSYC này, đồng thời huy động thiết bị thi công phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan.

### Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Sử dụng Phương pháp giá đánh giá:

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{ĐG} = G \pm \Delta G$$

Trong đó:

- G là giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) tại bước 1;

-  $\Delta G$  được xác định như sau:

+ Nhà thầu có thời gian bảo hành từ 12 tháng đến dưới 18 tháng thì  $\Delta_G = 0$  và giá đánh giá bằng  $G$  là giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

+ Nhà thầu có thời gian bảo hành từ 18 tháng đến dưới 24 tháng thì  $\Delta_G = 5\% \times G$  và giá đánh giá là  $G_{ĐG} = G - \Delta_G = (G - 5\% \times G)$ ;

+ Nhà thầu có thời gian bảo hành từ 24 tháng đến dưới 36 tháng thì  $\Delta_G = 10\% \times G$  và giá đánh giá là  $G_{ĐG} = G - \Delta_G = (G - 10\% \times G)$ ;

+ Nhà thầu có thời gian bảo hành từ 36 tháng trở lên thì  $\Delta_G = 15\% \times G$  và giá đánh giá là  $G_{ĐG} = G - \Delta_G = (G - 15\% \times G)$ ;

Bước 3. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 14-CDNT.

Bước 4. Xếp hạng nhà thầu:

HSDX của của nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

### Chương III

#### BIỂU MẪU

#### ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: \_\_\_\_ [Điền ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: \_\_\_\_ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số \_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại \_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]<sup>(2)</sup> cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_ [Ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_ [Ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu \_ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_ [Ghi tên dự án] do \_ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự nhà thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_ . Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu  
(nếu có)]

**Người ủy quyền**

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## BẢO LÃNH DỰ THẦU

**Bên thụ hưởng:** .....[Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** .....[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** .....[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_ [Ghi tên dự án].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là \_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**BẢNG GIÁ CHÀO CÁC HẠNG MỤC**  
(Áp dụng cho công trình có nhiều hạng mục)

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá chưa VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)
1					
2					
3					
4					
	<b>Cộng (chưa bao gồm VAT)</b>				
	<b>Thuế GTGT 10%</b>				
	<b>Cộng (đã bao gồm VAT)</b>				
	Bảng chữ:				

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

Hạng mục	Giá chào chưa VAT (đồng)	Thuế GTGT 10% (đồng)	Giá chào đã bao gồm VAT (đồng)
<b>Tổng cộng:</b>			
<b>Bảng chữ:</b>			

*Lưu ý: HSDX phải nêu rõ tên, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, ... các loại vật tư, vật liệu sử dụng trong công trình.*

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

*Thay*

## BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

1.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
...	Vị trí công việc
	Tên

*Ghi chú:*

(1) Sử dụng Bảng này nếu Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX có quy định về nội dung nhân sự chủ chốt.

(2) Nhà thầu phải gửi kèm theo bản lý lịch, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu so với HSYC.

## BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: \_\_\_\_\_ *[Điền ngày tháng năm ký cam kết]*

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]*

Tên dự án: \_\_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số \_\_\_\_\_ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* và thiết kế bản vẽ thi công đính kèm hồ sơ yêu cầu do \_\_\_\_\_ Công ty Cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc – Vinacomin phát hành, chúng tôi, \_\_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]*, có địa chỉ tại \_\_\_\_\_ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy định liên quan về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

*Ưng Sơn*

## Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

### Mục 1. Giới thiệu về gói thầu

Cải tạo, sửa chữa Nhà ăn, kho lưu trữ kết hợp nhà để xe khối VP Công ty CP KD than Miền Bắc - Vinacomin và Công ty KD than Hà Nội với tổng diện tích: **1.425,42 m<sup>2</sup>** sàn.

Trong đó:

Hạ tầng sân phía sau tòa nhà làm việc là:	233,15 m <sup>2</sup> ;
Tầng 1 và khu để xe là:	423,803 m <sup>2</sup> ;
Tầng 2 là:	254,93 m <sup>2</sup> ;
Tầng 3 là:	373,48 m <sup>2</sup> ;
Tầng mái:	140,06 m <sup>2</sup>

Các công việc chính gói thầu “Xây Lắp” như sau:

**\* Chống thấm dột khu bếp, tường cầu thang bộ, tường ngoài nhà thể thao, thấm vách kính, cửa kính:**

- Chống thấm tường cầu thang bộ: Sửa chữa chống thấm mái tôn, lắp thêm ống thoát nước, đục lớp vữa trát, trát tường và sơn bả hoàn thiện...
- Chống thấm Khu bếp: Đục dỡ bỏ gạch ốp lát, lắp đặt mới hệ thống cấp thoát nước, chống thấm, ốp lát hoàn thiện...
- Chống thấm qua vách kính, cửa sổ gây hư hỏng sơn tường, thấm khu vệ sinh nam tầng 1: Căn chỉnh cửa sổ bật khối nhà cũ, cạo bỏ keo cũ lão hóa, bơm keo chống thấm, thay thế tấm kính vỡ.
- Chống thấm tường ngoài nhà thể thao: Làm máng thu nước mái, lắp đặt tấm tôn che mưa, trát tường và sơn bả hoàn thiện...

**\* Sửa chữa cải tạo sân sau khối nhà cũ, khu rửa xe và nền khu trạm điện, khu hành lang ngoài nhà máy phát**

- Sửa chữa cải tạo sân sau khối nhà cũ, khu rửa xe, khu trạm điện, hành lang ngoài nhà khu máy phát: Đục phá dỡ nền sân cũ, đổ bê tông hoàn thiện, di chuyển khu rửa xe, cán nền khu bể nước và sau nhà máy phát...

**\* Sửa chữa sơn tường hành lang chung, cầu thang bộ, khu công cộng và sơn tường ngoài nhà:**

- Sửa chữa sơn tường hành lang chung, cầu thang bộ, khu công cộng : Vệ sinh lớp sơn tường cũ, bả vị trí lớp bả hư hỏng bong rộp, sơn hoàn thiện 1 lớp lót, 02 lớp màu
- Sơn tường ngoài nhà: Đục trát tường các vị trí tường hư hỏng, sơn hoàn thiện 1 lớp lót, 02 lớp màu...

**\* Sửa chữa cải tạo phòng ăn, khu rửa tay và sảnh tầng 2:**

- Sửa chữa cải tạo phòng ăn: Phá dỡ lớp lát nền, trần thạch cao, tường Ộp, thi công trần thạch cao, lát nền, làm mới hệ thống điện, thay thế cửa, bóng đèn sơn bả hoàn thiện...
- Khu rửa tay và sảnh tầng 2: Phá dỡ lớp lát nền, lát nền hoàn thiện, thay thế và lắp bổ sung bóng đèn, thay thế chậu rửa, vòi rửa, bàn đá...

**Mục 2. Yêu cầu về tiến độ:** Trong vòng **45 ngày**, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

### **Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật**

Nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trên bản vẽ thiết kế thi công. Ngoài ra, nhà thầu còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng. Có báo cáo khảo sát đánh giá hiện trạng các hạng mục sửa chữa: Mô tả đầy đủ hiện trạng phạm vi, giải pháp khắc phục có hình ảnh chụp các vị trí hư hỏng, sửa chữa và các yêu cầu khác (nếu có).

### **Mục 4. Các bản vẽ và tiên lượng mời thầu**

Ngoài bản vẽ thiết kế thi công được duyệt, bên mời thầu sẽ cung cấp các bản vẽ có liên quan cho nhà thầu (nếu có) để làm cơ sở cho nhà thầu lập HSDX.

Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra khối lượng trên bản vẽ thiết kế thi công được cung cấp và bảng tiên lượng mời thầu, nếu có sự sai khác khối lượng so với bảng tiên lượng mời thầu, đề nghị nhà thầu có văn bản gửi bên mời thầu để làm rõ.

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	<b>THẨM TƯỜNG CẦU THANG BỘ</b>		
1	Đục lỗ tháo dỡ ống thoát nước mưa giữa 2 nhà	lỗ	1,0
2	Đục lỗ thông tường, chiều dày tường $\leq 22\text{cm}$ , tiết diện lỗ $\leq 0,15\text{m}^2$	lỗ	2,0
3	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110 mm, ống nhựa Tiên Phong C2 hoặc tương đương	100m	0,035
4	Lắp đặt côn, cút nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn, cút phù hợp với ống nhựa lắp đặt	cái	2,0
5	Chèn cổ ống bằng vữa sika không co sika grout 214 hoặc tương đương	Vị trí	2,0
6	Lắp đặt tôn úp nóc chống thấm	md	28,2
7	Bơm keo chống thấm vị trí úp nóc keo dowsil neutraplus hoặc tương đương	md	56,400
8	Tháo dỡ, gia cường khung, Căn chỉnh lại tấm úp mái nhôm giao giữa 2 nhà bị võng, bơm keo	md	8,100

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
9	Bơm keo chống thấm đầu vít mái tôn che bể nước, vá lại khe hở, bơm keo (bao gồm gia cường và xử lý các vị trí hư hỏng) keo dowsil neutraplus hoặc tương đương	m2	37,185
10	Tháo dỡ máng thoát nước bị kẹt và hỏng vị trí đầu nối cổ ống, xử lý mối nối cổ ống, vá lại máng và bơm keo	Vị trí	1,0
11	Lắp V50x50 góc giao 2 nhà (có sử dụng dây đu thi công ngoài trời 2 người)	md	11,500
12	Lắp dựng dàn giáo trong, chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	0,414
13	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	70,595
14	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	70,595
15	Cạo bỏ lớp vôi trên bề mặt tường cột, trụ	m2	125,358
16	Công tác bả bằng 1 lớp bột bả vào các kết cấu - cột, dầm, trần (Bột bả Dulux B347 hoặc tương đương)	m2	195,953
17	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả - 1 nước lót, 2 nước phủ (Sơn lót dulux A934, sơn phủ Dulux A991 hoặc tương đương)	m2	195,953
18	Đóng vật liệu rời vào bao, loại 1 lớp bao dứa	tấn	5,083
19	Bốc xếp phế thải đóng bao các loại	tấn	5,083
20	Vận chuyển và đổ phế thải đúng quy định (dùng xe $\leq 5$ tấn)	chuyến	1,0
	<b>THẨM CỬA KÍNH, KÍNH VỠ</b>		
	<b>THẨM VÁCH KÍNH CẦU THANG BỘ, CỬA KÍNH</b>		
21	Cạo bỏ lớp keo cũ và bơm keo liên kết giữa khung với tường mặt trong và mặt ngoài, bơm keo liên kết giữa khung nhôm với kính mặt vách kính, mặt trong mặt ngoài vách kính thang bộ (bao gồm bơm tiếp giáp những vị trí hỏng keo giữa khung và tường, bơm liên kết vị trí kính và nhôm bơm các góc giao khung nhôm, nẹp nhôm cả mặt trong) và các cửa kính 02 khu nhà, keo dowsil neutral plus hoặc tương đương	md	746,120

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
22	Bảo trì căn chỉnh hư hỏng, thay thế phụ kiện hư hỏng nếu có các bộ cửa nhôm kính phòng làm việc: Kiểm tra tra dầu phụ kiện, kiểm tra hành trình đóng mở, thay thế phụ kiện hỏng, vấu khóa hỏng	bộ	38,0
	<b>KÍNH VỠ MẶT DỰNG</b>		
23	Tháo dỡ tấm kính bị nứt vỡ và thay thế lắp đặt kính dán phản quang KT 1225x1185 kính dán phản quang đồng bộ với kính mặt dựng hiện trạng (đã bao gồm công lắp đặt và các phụ kiện hoàn thiện)	tấm	2,0
24	Biện pháp lắp đặt tấm kính tầng 3 sử dụng xe bum nâng người	ca	1,0
	<b>THẨM TƯỜNG NGOÀI NHÀ</b>		
	<b>TƯỜNG NGOÀI NHÀ KHU BẾP</b>		
25	Lắp dựng dàn giáo ngoài, chiều cao > 50 m	100m2	0,464
26	Tháo dỡ cục nóng máy điều hoà cục bộ	cái	4,0
27	Tháo dỡ hệ thống hút mùi INox	Bộ	1,0
28	Đu dây Tháo dỡ ống đồng điều hòa tầng 3 không sử dụng và xây chèn, bịt lỗ trên tường	vị trí	1,0
29	Tháo dỡ và di chuyển khung, mái che khu để bình ga bếp	Gói	1,0
30	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	48,230
31	Trát tường ngoài chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	48,230
32	Sơn tường nhà không bả - 1 nước lót, 2 nước phủ (Sơn lót dulux A936, sơn phủ Dulux Z98 hoặc tương đương)	m2	48,230
33	Lắp đặt máy điều hoà 2 cục, loại máy treo tường tận dụng máy cũ (Phòng lái xe)	máy	1,0
	<b>KHU VỆ SINH NAM TẦNG 1</b>		
34	Đầu nối đục đưa ống thoát nước thấm mái WC nam tầng 1 ra ngoài	Trọn gói	1,0
35	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh	bộ	3,0
36	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi (Lắp đặt tận dụng)	bộ	3,0
	<b>THẨM TƯỜNG NHÀ THỂ THAO</b>		
37	Lắp dựng dàn giáo ngoài, chiều cao > 50 m	100m2	0,495

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
38	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	15,400
39	Trát tường ngoài chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	15,400
40	Trải bạt che chắn và dọn vệ sinh sân nhà dân	vị trí	2,0
41	Sơn tường nhà không bả - 1 nước lót, 2 nước phủ (Sơn lót dulux A936, sơn phủ Dulux Z98 hoặc tương đương)	m2	15,40
42	Vệ sinh lớp keo cũ, bơm keo miệng gió tươi	md	7,200
43	Tháo dỡ, lắp đặt dịch chuyển trực ống thoát nước mưa mái, bổ sung đai ống, đu dây tháo dỡ trực 1xA	hệ thống	1,0
44	Lắp đặt ốp tôn theo phương đứng, kích thước theo số đo thực tế rộng 300 (2 vị trí), tôn hoa sen dày 0.4 hoặc tương đương	md	34,30
45	Lắp đặt hoàn thiện tôn che mái theo phương ngang hình Z uốn theo thực tế rộng 400 (khe tường nhà dân trực A tầng 4) tôn hoa sen dày 0.4 hoặc tương đương	md	21,00
46	Tháo dỡ máng thu nước mái cũ một hư hỏng và thay mới hoàn thiện máng bằng INOX 201 hoặc tương đương	md	6,0
47	Vệ sinh, bơm keo chống thấm mép biên các vị trí ốp (Keo Dowsil Neutra plus hoặc tương đương)	md	110,60
48	Biện pháp Lắp đặt tôn che mưa góc nhà (1 người đu dây 2 người chuyển đồ giữa nhà dân và nhà 4 tầng)	Vị trí	1,0
<b>SƠN TƯỜNG NHÀ THỂ THAO</b>			
49	Lắp dựng dàn giáo trong, chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	2,450
50	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	12,0
51	Đóng lưới mắt cáo chống nứt	md	4,0
52	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	12,0
53	Vệ sinh cạo bỏ lớp sơn ẩm mốc trên bề mặt tường cột, trụ	m2	642,97
54	Công tác bả bằng 1 lớp bột bả vào các kết cấu - cột, dầm, trần (25% tổng KLx2 lớp) (Bột bả dulux B347 hoặc tương đương)	m2	321,48
55	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả - 1 nước lót, 2 nước phủ (Sơn lót dulux A934, sơn phủ Dulux A991 hoặc tương đương)	m2	321,48

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
56	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả -1 nước lót, 2 nước phủ (Sơn lót dulux A934, sơn phủ Dulux A991 hoặc tương đương)	m2	321,48
	<b>THU GOM BỐC XẾP, VẬN CHUYỂN PHÉ THẢI</b>		
57	Đóng vật liệu rời vào bao, loại 1 lớp bao dứa	tấn	4,86
58	Bóc xếp phế thải đóng bao các loại	tấn	4,86
59	Vận chuyển và đổ phế thải (sử dụng xe $\leq 5$ tấn)	Chuyến	1,0
	<b>SỬA CHỮA CẢI TẠO SÂN VÀ KHU RỬA XE</b>		
	<b>CẢI TẠO SÂN VÀ KHU RỬA XE</b>		
60	Phá dỡ nền bê tông không cốt thép	m3	28,20
61	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện $\leq 100$ kg	cấu kiện	31,0
62	Sửa nền, móng đường bằng cát thủ công	m3	18,80
63	Vệ sinh làm phẳng nền trước khi đổ bê tông	m2	188,010
64	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng $\leq 1$ m, sâu $\leq 1$ m, đất cấp III, đào đi âm dây điện và ống	m3	1,080
65	Bê tông nền, đá 1x2, vữa BT M200	m3	13,161
66	Ván khuôn gia cố lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan - lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	m2	10,440
67	Xây móng bằng gạch đất sét nung (6,5x10,5x22), chiều dày $\leq 33$ cm, vữa XM M75	m3	0,983
68	Trát tường ngoài chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	8,937
69	Cốt thép sàn mái, đường kính cốt thép $\leq 10$ mm	100kg	12,215
70	Bê tông mặt nền, chiều dày $\leq 25$ cm, đá 1x2, vữa BT M250	m3	28,202
71	Đánh mặt bằng máy xoa nền và đánh chống nứt khối lượng nhỏ lẻ, mặt bằng thi công vương bồn cây	m2	188,010
72	Xử lý nền và đánh dốc tạo dốc về rãnh thu	md	188,010
73	Nạo vét rãnh thoát nước	m3	3,600
74	Lắp đặt các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện $\leq 100$ kg	cấu kiện	31,000
75	Xây tường thẳng bằng gạch đất sét nung (6,5x10,5x22), chiều dày $\leq 33$ cm, vữa XM M25, xây bồn cây	m3	1,126
76	Trát tường ngoài chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	6,720

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
77	Ốp tường, trụ, cột bằng gạch tiết diện $\leq 0,16m^2$ , vữa XM M75 (ốp bồn cây tận dụng đá cũ)	m <sup>2</sup>	6,720
78	Vệ sinh dọn mặt bằng	m <sup>2</sup>	188,010
79	Lắp đặt tủ điện máy bơm Sino hoặc tương đương	tủ	1,000
80	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện $\leq 10A$ ampe, Sino hoặc tương đương	cái	1,000
81	Lắp đặt công tắc đóng mở, sino hoặc tương đương	bộ	1,0
82	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 4mm^2$ , dây Trần Phú hoặc tương đương	m	35,0
83	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính $\leq 34mm$ , Sino hoặc tương đương	m	35,0
<b>NGUỒN CẤP CHO BỂ NƯỚC</b>			
84	Lắp đặt ống nhựa PPR bằng phương pháp hàn, đường kính 40mm, chiều dày 6,7mm, ống Tiên Phong hoặc tương đương	100m	0,350
85	Lắp đặt côn, cút nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn, cút 40mm, Tiên Phong hoặc tương đương	cái	3,0
86	Lắp đặt van phao điều chỉnh tốc độ lọc, đường kính van 250mm	cái	1,0
<b>NGUỒN CẤP CHO MÁY BƠM RỬA XE</b>			
87	Tháo dỡ, vệ sinh bảo dưỡng và lắp đặt lại máy bơm cũ (bao gồm cả giá treo dây)	Trọn gói	1,0
88	Lắp đặt ống nhựa PPR bằng phương pháp hàn, đường kính 32mm, chiều dày 6,5mm	100m	0,320
89	Lắp đặt côn, cút nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn, cút 32mm	cái	8,0
<b>KHU ĐỂ BỂ NƯỚC NHÀ MÁY PHÁT, HÀNG RÀO KHU NHÀ MÁY PHÁT</b>			
90	Vệ sinh nền	m <sup>2</sup>	33,760
91	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m <sup>2</sup>	28,840
92	Trát tường ngoài chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m <sup>2</sup>	28,840
93	Sơn tường nhà không bả - 1 nước lót, 2 nước phủ	1m <sup>2</sup>	97,452
<b>HỘP CẤP ĐIỆN SÂN SAU</b>			
94	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường $\leq 22cm$	m <sup>3</sup>	6,769

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
95	Đục lỗ thông tường xây gạch, chiều dày tường $\leq 22\text{cm}$ , tiết diện lỗ $\leq 0,15\text{m}^2$	lỗ	1,0
96	Xây tường thẳng bằng gạch đất sét nung (6,5x10,5x22), chiều dày $\leq 11\text{cm}$ , vữa XM M75	m3	1,195
97	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	36,200
98	Hạ cáp, đục đi âm cáp, lấp cát	trộn gói	1,0
99	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện $\leq 0,16\text{m}^2$ , tận dụng đá cũ	m2	14,480
100	Đào cáp điện trạm hạ thế	công	2,0
101	San lấp hoàn trả mặt bằng và lát lại	công	2,0
	<b>KHU TRẠM ĐIỆN</b>		
102	Phá dỡ nền bê tông không cốt thép	m3	4,116
103	Sửa nền, móng đường bằng cát thủ công	m3	2,058
104	Bê tông mặt nền, chiều dày $\leq 25\text{cm}$ , đá 1x2, vữa BT M250	m3	3,087
105	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M75	m2	20,580
106	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện $\leq 0,16\text{m}^2$ , vữa XM M75	m2	20,580
	<b>THU GOM, ĐÓNG BAO, VẬN CHUYỂN PHÉ THẢI, VẬT LIỆU</b>		
107	Đóng vật liệu rời vào bao, loại 1 lớp bao dứa	tấn	72,443
108	Bóc xếp phế thải đóng bao các loại	tấn	72,443
109	Vận chuyển và đổ phế thải đúng quy định (xe $\leq 5$ tấn)	chuyến	14,000
	<b>SƠN TƯỜNG TRONG VÀ NGOÀI</b>		
	<b>SƠN TƯỜNG TRONG NHÀ HÀNH LANG CHUNG, KHU CÔNG CỘNG VÀ CẦU THANG</b>		
110	Vệ sinh lớp sơn trên bề mặt tường cột, trụ	m2	1.156,245
111	Công tác bả bằng 1 lớp bột bả vào các kết cấu - cột, dầm, trần, (bả 25% x 2 lớp), (Bột bả dulux B347 hoặc tương đương)	m2	578,123
112	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả - 1 nước lót, 2 nước phủ (Sơn lót dulux A934, sơn phủ Dulux A991 hoặc tương đương)	m2	289,061
113	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả -1 nước lót, 2 nước phủ	m2	867,184
	<b>SƠN TƯỜNG NGOÀI NHÀ</b>		
114	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ vị trí tường mái, sê nô, nứt tường, ...	m2	109,540

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
115	Quét nước xi măng	m2	109,540
116	Trát tường ngoài chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	109,540
117	Cạo bỏ lớp vôi trên bề mặt tường cột, trụ	m2	1.447,417
118	Sơn tường nhà không bả - 1 nước lót, 2 nước phủ (Sơn lót dulux A936, sơn phủ Dulux Z98 hoặc tương đương)	m2	1.447,417
119	Thi công sơn bả ngoài nhà (sử dụng xe bum và dây đu)	Trọn gói	1,000
120	Vận chuyển vật liệu cho trát sửa tường ngoài nhà (chuyển thủ công vác lên mái và kéo tay)	Trọn gói	1,000
121	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,412
122	Chèn cổ ống bằng vữa sika không co tắng 3	Vị trí	5,0
123	Thu dọn, phân loại, sắp xếp, cắt bỏ, đi lại dây dẫn, dây mạng sau nhà 3 tầng cũ	gói	1,0
	<b>TRỤC THOÁT NƯỚC LẮP BỔ SUNG NHÀ 3 TẦNG, MẶT SAU</b>		
124	Lắp đặt ống nhựa nối bằng phương pháp hàn đoạn ống dài 6m, đường kính ống 125mm	100m	0,371
125	Lắp đặt côn, cút nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn, cút 125mm	cái	13,0
	<b>THẨM KHU NẤU ĂN</b>		
126	Lắp dựng dàn giáo trong, chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	0,268
127	Tháo dỡ hệ thống ga, điện nước, bếp di chuyển đồ đạc phục vụ thi công	Công	10,0
128	Cung cấp lắp đặt vách khung thép hộp bạt in màu hình trống đồng	m2	36,050
129	Tháo dỡ ống thông gió bếp	m	4,070
130	Cung cấp lắp đặt thảm nhựa chống thấm nền nhà bếp tạm, màu vân gỗ	m2	52,0
131	Lắp đặt dây dẫn điện 2x2.5mm2, dây Trần Phú hoặc tương đương	m	35,0
132	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nối bảo hộ dây dẫn, đường kính $\leq 15mm$	m	35,0
133	Đục lỗ thông tường bê tông, chiều dày tường $\leq 11cm$ , tiết diện lỗ $\leq 0,15m^2$	lỗ	1,0
134	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện $\leq 50Ampe$ , Sino hoặc tương đương	cái	1,0
135	Đục lỗ thông tường bê tông, chiều dày tường $\leq 11cm$ , tiết diện lỗ $\leq 0,15m^2$	lỗ	1,0
136	Lắp đặt tủ điện Sino hoặc tương đương	tủ	1,0

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
137	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính $\leq 90\text{mm}$	m	16,0
138	Lắp đặt côn, cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn, cút 100mm Tiên Phong hoặc tương đương	cái	5,0
139	Lắp đặt ống nhựa PPR bằng phương pháp hàn, đường kính 32mm, chiều dày 6,5mm	100m	0,2
140	Lắp đặt côn, cút nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn, cút 32mm	cái	12,0
141	Tháo dỡ cửa sổ nhôm kính phòng bếp	m2	5,580
142	Tháo dỡ thoát sàn	cái	1,0
143	Tháo dỡ hệ thoát nước cũ bị tắc hiện đang bịt tạm để ngăn thấm, hệ cấp nước	công	3,0
144	Phá dỡ nền gạch nền, gạch ốp chân và vị trí nguồn nước	m2	74,25
145	Đục lớp vữa cán nền	m2	74,25
146	Vệ sinh nền trước khi chống thấm	m2	26,75
147	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	47,50
148	Quét lớp lót chống thấm bằng sika 632R hoặc tương đương	m2	32,27
149	Quét dung dịch chống thấm sika 632R hoặc tương đương lớp 2 lớp	m2	32,27
150	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M100	m2	26,75
151	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện $\leq 0,36\text{m}^2$ , vữa XM M75 (gạch đồng tâm mã 6060DA007-EP hoặc tương đương)	m2	26,750
152	Ốp tường (Gạch đồng tâm mã 3060SNOW 001 hoặc tương đương)	m2	47,500
153	Lắp đặt phễu thu đường kính 100mm	cái	1,0
154	Chống thấm cổ ống thoát sàn bằng sika Grout 214 và băng trương nở	Vị trí	2,0
155	Lắp đặt ống nhựa nối bằng phương pháp hàn đoạn ống dài 6m, đường kính ống 100mm	100m	0,132
156	Lắp đặt côn, cút nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn, cút 125mm, Tiên Phong hoặc tương đương	cái	6,0
157	Lắp đặt đai giữ ống và ty treo	cái	12,0

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
158	Lắp đặt ống nhựa nối bằng phương pháp hàn đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm, Tiên phong hoặc tương đương	100m	0,388
159	Lắp đặt côn, cắt nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn, cắt 32mm, Tiên phong hoặc tương đương	cái	16,0
160	Lắp đặt van ren, đường kính van 32mm	cái	1,0
161	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 4\text{mm}^2$ , dây Trần Phú hoặc tương đương	m	105,5
162	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính $\leq 27\text{mm}$ , Sino hoặc tương đương	m	105,5
163	Lắp đặt ổ cắm đôi panasonic hoặc tương đương	cái	8,0
164	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện $\leq 50\text{A}$ , Sino hoặc tương đương	cái	1,0
165	Lắp đặt công tắc - 2 hạt trên 1 công tắc	hộp	1,0
166	Lắp đặt đèn tường, đèn trang trí và các loại đèn khác - Đèn tường kiểu ánh sáng hắt, panasonic hoặc tương đương	bộ	4,0
167	Lắp đặt cửa nhôm kính tận dụng cửa cũ	m <sup>2</sup>	5,58
168	Bơm keo liên kết khung bao cửa sổ và tường mặt trong và ngoài keo dowsil neutral plus	md	19,6
169	Tháo dỡ vách ngăn tạm khu nấu ăn tầng 3	m <sup>2</sup>	36,050
170	Tháo dỡ hệ thống thoát nước tạm và xây chèn tường	gói	1,0
171	Tháo dỡ hệ thống điện, ga tạm phục vụ nấu ăn	gói	1,0
172	Lắp đặt ống thông gió, máng gió bếp	m	4,07
173	Di chuyển lắp đặt đầu nối lại, sắp xếp lại đồ bếp	Công	5,0
	<b>THU GOM BỐC XẾP, VẬN CHUYỂN PHÉ THẢI</b>		
174	Đóng vật liệu rời vào bao, loại 1 lớp bao dứa	tấn	11,042
175	Bốc xếp phế thải đóng bao các loại	tấn	5,521
176	Vận chuyển và đổ phế thải đúng nơi quy định (xe $\leq 5$ tấn)	Chuyến	1,0
	<b>PHÒNG ĂN</b>		
177	Lắp dựng dàn giáo trong, chiều cao chuẩn 3,6m	100m <sup>2</sup>	0,816
178	Tháo dỡ trần	m <sup>2</sup>	81,568
179	Tháo dỡ máy điều hoà cục bộ	cái	3,000
180	Tháo dỡ đèn	bộ	12,000
181	Tháo dỡ quạt thông gió, cắt gió	cái	4,000

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
182	Tháo dỡ vách ngăn	m2	16,590
183	Tháo dỡ rèm chắn nắng (rèm cửa sổ hiện hữu)	m2	7,937
184	Tháo dỡ, sơn lại, lắp đặt lại khung thép cửa sổ	gói	1,000
185	Thi công trần phẳng bằng tấm thạch cao (trần thạch cao vĩnh tường hoặc tương đương)	m2	106,038
186	Lắp đặt đèn tường, đèn trang trí và các loại đèn Downlight âm trần panasonic 9W hoặc tương đương	bộ	49,000
187	Lắp đặt đèn hắt dây hắt trần, rạng đồng hoặc tương đương	m	53,000
188	Bộ đầu nối chuyển nguồn cho đèn LED hắt trần	bộ	6,000
189	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x2.5, dây Trần Phú hoặc tương đương	m	85,000
190	Lắp đặt dây đơn $\leq 1\text{mm}^2$ , dây Trần Phú hoặc tương đương	m	382,200
191	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính $\leq 27\text{mm}$ , Sino hoặc tương đương	m	191,100
192	Đục tường, sàn để tạo rãnh đi dây sâu $> 3\text{ cm}$	m	54,270
193	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 4\text{mm}^2$ , dây Trần Phú hoặc tương đương	m	117,270
194	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính $\leq 27\text{mm}$ , Sino hoặc tương đương	m	117,270
195	Lắp đặt ổ cắm đôi panasonic hoặc tương đương	cái	14,000
196	Lắp đặt công tắc 3 đèn có đèn báo gen panasonic WPEG5P3572S-1-G hoặc tương đương	hộp	3,000
197	Lắp đặt quạt điện - Quạt thông gió trên tường (panasonic mã 30AL9 hoặc tương đương)	cái	3,000
198	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	26,000
199	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	26,000
200	Cạo bỏ lớp vôi trên bề mặt tường cột, trụ	m2	86,373
201	Công tác bả bằng 2 lớp bột bả vào các kết cấu - cột, dầm, trần (Bột bả Dulux B347 hoặc tương đương)	m2	244,410
202	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả - 1 nước lót, 2 nước phủ (Sơn lót dulux A934, sơn phủ Dulux A991 hoặc tương đương)	m2	244,410
203	Phá dỡ gạch lát nền	m2	89,396
204	Đục tẩy lớp cán nền	m2	89,396
205	Vệ sinh nền trước khi cán	m2	81,568

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
206	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	7,828
207	Lát nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M75	m2	81,568
208	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện $\leq 0,36m^2$ , (gạch đồng tâm mã 6060DA007-EP hoặc tương đương)	m2	81,568
209	Ốp chân tường, viền tường, viền trụ, cột bằng gạch tiết diện $\leq 0,08m^2$ , (gạch đồng tâm mã 6060DA007-EP hoặc tương đương)	m2	7,828
	<b>CỬA PHÒNG ĂN, HÀNH LANG</b>		
210	Tháo dỡ cửa đi thủ công	m2	12,515
211	Tháo dỡ, thay thế khuôn bao bằng gỗ công nghiệp hoặc tương đương	md	18,330
212	Cung cấp, lắp đặt 1 bộ cửa đi nhôm kính xingfa hoặc tương đương nhà bếp sang phòng ăn	m2	3,402
213	Cung cấp phụ kiện cửa đi 2 cánh phụ kiện kim long hoặc tương đương	Bộ	1,000
214	Cung cấp Lắp đặt cửa đi bằng gỗ công nghiệp	m2	9,113
215	Bộ phụ kiện khóa cửa đi Huy Hoàng hoặc tương đương	bộ	3,000
216	Bộ phụ kiện bản lề Inox, clemon (không sử dụng tay co), Phụ kiện Huy Hoàng hoặc tương đương	bộ	3,000
217	Lắp đặt lại rèm cửa tận dụng rèm cũ	m2	7,937
218	Cắt ray, dịch chuyển vách ngăn, lắp đặt lại ray, gia cường ray	Gói	1,000
219	Gia công tháo, cắt ngăn vách ngăn, Vệ sinh vách và lắp đặt lại vách ngăn di động phòng ăn (bao gồm cả chi phí vận chuyển)	m2	16,590
220	Cung cấp lắp đặt kính mặt bàn kính cường lực 10mm hải long hoặc tương đương mài mờ vệt	m2	16,320
221	Đóng vật liệu rời vào bao, loại 1 lớp bao dứa	tấn	27,230
222	Bóc xếp phế thải đóng bao các loại	tấn	13,615
223	Vận chuyển và đổ phế thải đúng quy định (xe $\leq 5$ tấn)	chuyến	3,000
	<b>KHU RỬA TAY VÀ SẢNH TẦNG 2</b>		
224	Tháo dỡ chậu	cái	4,000
225	Tháo dỡ vòi rửa	bộ	4,000
226	Tháo dỡ xifon	cái	4,000
227	Tháo dỡ bàn đá và hệ thống lọc nước sảnh tầng 2	bộ	1,000
228	Tháo dỡ tủ gỗ bằng thủ công	m2	3,654
229	Tháo dỡ lan can Inox hiện hữu	công	5,000

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
230	Phá dỡ nền gạch lá nem	m2	86,396
231	Đục tẩy lớp cán nền	m2	86,396
232	Vệ sinh nền trước khi cán	m2	86,396
233	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M75	m2	7,508
234	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M75	m2	86,396
235	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện $\leq 0,36m^2$ , gạch đồng tâm mã 6060DA007-EP hoặc tương đương	m2	86,396
236	Ốp chân tường, viền tường, viền trụ, cột bằng gạch tiết diện $\leq 0,08m^2$ , (gạch đồng tâm mã 6060DA007-EP hoặc tương đương)	m2	7,508
237	Đá phân vùng lát khu nhà ăn, bếp KT 1,43x0,25 và 0,95X0,25; đá tự nhiên Rojo alicante hoặc tương đương	viên	4,000
238	Cung cấp giá đỡ Inox bàn đá	bộ	6,000
239	Cung cấp lắp đặt đá nâu sa mạc, mài miết cạnh (bao gồm vận chuyển và lắp đặt)	m2	4,232
240	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi Toto mã 5616C#XW hoặc tương đương	bộ	4,000
241	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi (Toto TLG04301V hoặc tương đương)	bộ	4,000
242	Lắp đặt ống thải chữ P toto mã TVLF405 hoặc tương đương	bộ	4,000
243	Lắp đặt gương soi Toto mã YM6090A hoặc tương đương	cái	1,000
244	Lắp đặt ống nhựa nối bằng phương pháp hàn đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm, Tiên phong hoặc tương đương	100m	0,130
245	Lắp đặt côn, cút nhựa nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn, cút 32mm, Tiên Phong hoặc tương đương	cái	6,000
246	Lắp đặt van ren, đường kính van 32mm, phù hợp với ống nhựa lắp đặt	cái	1,000
247	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện $\leq 10A$ ampe, sino hoặc tương đương	cái	1,000
248	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính $\leq 15mm$ , Sino hoặc tương đương	m	30,000
249	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 4mm^2$ , dây Trần Phú hoặc tương đương	m	30,000
250	Thi công trần phẳng bằng tấm thạch cao	m2	4,836
251	Cạo bỏ lớp vôi trên bề mặt tường cột, trụ	m2	147,310

Stt	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
252	Công tác bả bằng 1 lớp bột bả vào các kết cấu - cột, dầm, trần, (Bột bả Dulux B347 hoặc tương đương)	m2	147,310
253	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả - 1 nước lót, 2 nước phủ (Sơn lót dulux A934, sơn phủ Dulux A991 hoặc tương đương)	m2	147,310
254	Lắp đặt đèn tường, đèn trang trí và các loại đèn khác - Đèn tường kiểu ánh sáng hắt, panasonic hoặc tương đương	bộ	10,000
255	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 4\text{mm}^2$ , dây trần Phú hoặc tương đương	m	103,890
256	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính $\leq 27\text{mm}$ , Sino hoặc tương đương	m	103,890
257	Lắp đặt công tắc - 2 hạt trên 1 công tắc	cái	5,000
258	Đóng vật liệu rời vào bao, loại 1 lớp bao dứa	tấn	16,376
259	Bóc xếp phế thải đóng bao các loại	tấn	16,376
260	Vận chuyển và đổ phế thải (xe $\leq 5$ tấn)	chuyến	3,000
261	Vệ sinh công nghiệp vách kính tầng 2, vách kính cầu thang mặt trong nhà về nền nhà, nền cầu thang bộ	m2	141,468
<b>DI CHUYỂN CÂY VÀ CẢI TẠO LẠI BỒN CÂY</b>			
262	Đục phá dỡ 2 bồn cây và đào đất vận chuyển đổ đi	gói	1,000
263	Cắt cây lộc vùng, vôi, vận chuyển đổ đúng nơi quy định	Gói	1,000
264	Khoan cấy râu thép D10 a200	cái	32,000
265	Cốt thép sàn mái, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	100kg	0,178
266	Bê tông mặt đường, chiều dày mặt đường $\leq 25\text{cm}$ , đá 1x2, vữa BT M250	m3	0,512
267	Xoa mặt thủ công và xử lý giáp lai	công	1,000
268	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện $\leq 0,16\text{m}^2$ , vữa XM M75	m2	2,560

**Chương V**  
**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ <sup>2</sup> \_\_\_\_\_ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11];

- Căn cứ <sup>2</sup> \_\_\_\_\_ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ <sup>2</sup> \_\_\_\_\_ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ \_\_\_\_\_ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

*th* *Tam*

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công kèm theo.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết tiến hành công việc xây lắp theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong HSYC, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].
2. Phương thức thanh toán:
  - a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Tạm ứng: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, Bên A tạm ứng cho bên B số tiền không vượt quá 40% giá trị hợp đồng sau khi Bên B xuất trình đầy đủ các chứng từ gồm: Đề nghị tạm ứng, bảo lãnh tiền tạm ứng của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng với số tiền bảo lãnh tương ứng với số tiền đề nghị tạm ứng. Thời hạn của Bảo lãnh tiền tạm ứng tối thiểu 30 ngày.

c) Thanh toán: Không quá 3 lần (đã bao gồm tạm ứng);

Thời hạn thanh toán trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ gồm: Đề nghị thanh toán, biên bản nghiệm thu và bảng tính giá trị khối lượng công việc hoàn thành và hóa đơn tài chính.

**Điều 6. Loại hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: **45 ngày** kể từ ngày ký hợp đồng.

**Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

**Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 02% (hai phần trăm) giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng (tối thiểu 60 ngày): kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 5 ngày làm việc kể từ ngày 2 bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và hồ sơ quyết toán A-B.

**Điều 10. Chấm dứt hợp đồng**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia

hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

#### **Điều 11. Tư vấn giám sát**

Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

#### **Điều 12. Vật tư, máy móc, thiết bị**

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

#### **Điều 13. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót**

Nhà thầu bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành đối với công trình như đã nêu trong HSDX.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu về các sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, nhà thầu phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà chủ đầu tư đã thông báo.

Nếu nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định tại thông báo sai sót trong công trình thì chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

#### **Điều 14. Nghiệm thu, hoàn công**

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

#### **Điều 15. Giải quyết tranh chấp**

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: \_\_\_\_\_ [Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].

#### **Điều 16. Hiệu lực hợp đồng.**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_\_\_ bộ, chủ đầu tư giữ \_\_\_\_\_ bộ, nhà thầu giữ \_\_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)

*[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSDX và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 05 trong Mẫu HSYC này]*

## BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên chủ đầu tư]

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); <sup>(2)</sup>

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(4)</sup>.

### Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_\_ [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.